

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

**ĐỀ ÁN
SẮP XẾP CÁC TRƯỜNG MẦM NON, PHỔ THÔNG CÔNG LẬP
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH THANH HÓA, GIAI ĐOẠN 2026-2030**

Thanh Hóa, năm 2026

(DỰ THẢO)

ĐỀ ÁN
SẮP XẾP CÁC TRƯỜNG MẦM NON, PHỔ THÔNG CÔNG LẬP
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH THANH HÓA, GIAI ĐOẠN 2026-2030

PHẦN I
SỰ CẦN THIẾT VÀ CĂN CỨ XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

I. SỰ CẦN THIẾT XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

Thực hiện chỉ đạo của Bộ Chính trị, Ban Bí thư¹ về việc “Yêu cầu các cấp uỷ, cơ quan, đơn vị, địa phương đẩy mạnh việc rà soát, sắp xếp tổ chức bộ máy bên trong, khẩn trương hoàn thành việc sắp xếp các đơn vị sự nghiệp công lập theo yêu cầu, tiến độ. Các tỉnh uỷ, thành uỷ phối hợp Bộ Y tế, Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Nội vụ khẩn trương sắp xếp các cơ sở giáo dục công lập cấp xã (trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, trường liên cấp)...”.

Tỉnh Thanh Hóa có diện tích tự nhiên hơn 11.115 km² (đứng thứ 12 cả nước) và dân số 4,3 triệu người (đứng thứ 8 cả nước), toàn tỉnh hiện có 166 đơn vị hành chính cấp xã (xã, phường). Dân cư của tỉnh phân bố không đồng đều theo các đơn vị hành chính, giữa khu vực đồng bằng và miền núi; chủ yếu tập trung đông ở khu vực đô thị và đồng bằng ven biển và thưa thớt ở các vùng núi.

Mạng lưới trường học trên địa bàn tỉnh được phân bố tương đối hợp lý, cơ bản đáp ứng được nhu cầu học tập của nhân dân. Đến tháng 12 năm 2025, toàn tỉnh có 1908 trường học từ mầm non đến THPT, trong đó có 631 trường mầm non, 584 trường tiểu học, 604 trường trung học cơ sở, 89 trường trung học phổ thông. Cơ sở vật chất trường lớp học được quan tâm đầu tư theo hướng kiên cố hóa, chuẩn hóa và từng bước hiện đại hóa; tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia 88,9% (tổng số có 1.696/1908 trường, trong đó: 568 trường mầm non; 538 trường tiểu học; 525 trường THCS; 65 trường THPT).

Bên cạnh những kết quả đạt được, mạng lưới trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở và trường phổ thông có nhiều cấp học của tỉnh vẫn còn những tồn tại, hạn chế đó là: Một số trường mầm non, trường tiểu học ở khu vực miền núi còn nhiều khu lẻ, cơ sở vật chất không đảm bảo cho việc dạy và học; số

¹ Kết luận số 221-KL/TW ngày 28/11/2025 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về tình hình, kết quả hoạt động của bộ máy hệ thống chính trị và chính quyền địa phương hai cấp; Công văn số 59-CV/BCĐ ngày 12/9/2025 của Ban Chỉ đạo Trung ương về việc sắp xếp đơn vị sự nghiệp, doanh nghiệp nhà nước và đầu mối bên trong các cơ quan, tổ chức trong hệ thống chính trị; Kế hoạch số 130/KH-BCDDTKNQ18, ngày 21/9/2025 của Ban Chỉ đạo về tổng kết thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW của Chính phủ sắp xếp đơn vị sự nghiệp công lập, doanh nghiệp nhà nước, tổ chức bên trong hệ thống hành chính nhà nước.

trường tiểu học, THCS có quy mô nhỏ còn lớn; toàn tỉnh hiện có 101/631 trường mầm non công lập quy mô dưới 9 lớp; 12/584 trường tiểu học công lập có quy mô dưới 10 lớp; 34/604 trường THCS công lập có quy mô dưới 8 lớp; 02/89 trường THPT công lập có quy mô dưới 15 lớp, gây khó khăn trong việc sắp xếp, bố trí giáo viên, nhất là trong hoạt động chuyên môn, ảnh hưởng đến chất lượng giáo dục.

Ngoài ra, triển khai thực hiện Nghị quyết số 1686/NQ-UBTVQH15 ngày 16/6/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Thanh Hóa năm 2025, các xã, phường đang tiến hành sắp xếp lại các đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn, trong đó có việc tổ chức sắp xếp lại các trường mầm non, tiểu học, THCS và trường phổ thông có nhiều cấp học.

Do đó, để nâng cao chất lượng giáo dục, sử dụng cơ sở vật chất trường học hiệu quả; bố trí phù hợp đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý đảm bảo yêu cầu của chương trình giáo dục phổ thông mới; tiết kiệm các nguồn lực đầu tư, tài chính thì việc sắp xếp lại các trường mầm non, phổ thông công lập trên địa bàn tỉnh là cần thiết.

II. CĂN CỨ XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

- Luật Giáo dục số 43/2019/QH14 ngày 14/6/2019; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục số 123/2025/QH, ngày 10/12/2025;

- Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04/11/2013 của Ban Chấp hành Trung ương khoá XI về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hoá, hiện đại hoá trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế;

- Nghị quyết số 58-NQ/TW ngày 05/8/2020 của Bộ Chính trị về xây dựng và phát triển tỉnh Thanh Hóa đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

- Nghị quyết số 71-NQ/TW ngày 22/8/2025 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo;

- Nghị quyết số 1686/NQ-UBTVQH15 ngày 16/6/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Thanh Hóa năm 2025;

- Thông báo kết luận số 81-TB/TW ngày 18/7/2025 của Bộ Chính trị về chủ trương đầu tư xây dựng trường học cho các xã biên giới;

- Thông báo Kết luận số 105-TB/VPTW ngày 24/6/2026 của Văn phòng Trung ương Đảng về Kết luận của đồng chí Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Tô Lâm tại buổi làm việc về công tác chuẩn bị năm học 2026-2027 và tình hình triển khai thực hiện Nghị quyết số 71-NQ/TW ngày 22/8/2025 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo;

- Nghị quyết số 44/2014/NQ-CP ngày 09/6/2014 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày

04/11/2013 của Ban Chấp hành Trung ương khoá XI về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hoá, hiện đại hoá trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế;

- Nghị định số 259/2026/NĐ-CP ngày 30/6/2026 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

- Nghị định số 120/2020/NĐ-CP ngày 07/10/2020 của Chính phủ về thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập và Nghị định số 283/2025/NĐ-CP ngày 31/10/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 120/2020/NĐ-CP;

- Nghị định số 142/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương hai cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

- Nghị quyết số 105/NQ-CP ngày 08/4/2026 của Chính phủ về việc ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Kết luận số 210- KL/TW ngày 12/11/2025 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục xây dựng, hoàn thiện tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị trong thời gian tới;

- Công văn số 777/TTg-TCCV ngày 10/7/2026 của Thủ tướng Chính phủ về việc sắp xếp cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông, thường xuyên, giáo dục nghề nghiệp công lập cấp tỉnh, cấp xã;

- Thông tư số 13/2020/TT-BGDĐT ngày 26/5/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định tiêu chuẩn cơ sở vật chất các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học;

- Thông tư số 23/2024/TT-BGDĐT ngày 16/12/2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định ban hành kèm theo Thông tư số 13/2020/TT-BGDĐT;

- Các Thông tư số 09/2025/TT-BGDĐT, 10/2025/TT-BGDĐT, 12/2025/TT-BGDĐT, 13/2025/TT-BGDĐT ngày 12/6/2025 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về phân quyền, phân cấp và phân định thẩm quyền thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước của chính quyền địa phương hai cấp trong lĩnh vực giáo dục;

- Kế hoạch số 130/KH-BCĐTKNQ18 ngày 21/9/2025 của Ban Chỉ đạo Chính phủ về sắp xếp đơn vị sự nghiệp công lập, doanh nghiệp nhà nước và tổ chức bên trong hệ thống hành chính nhà nước;

- Chương trình hành động số 03-CTr/TU ngày 04/11/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Thanh Hóa thực hiện Nghị quyết số 71-NQ/TW;

- Kế hoạch số 14-KH/TU ngày 07/4/2016 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Thanh Hóa thực hiện Nghị quyết số 39-NQ/TW;

- Nghị quyết số 03-NQ/ĐH ngày 16/10/2025 của Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Thanh Hóa lần thứ XX, nhiệm kỳ 2025-2030;

- Chương trình hành động số 07-CTr/TU ngày 12/11/2025 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Thanh Hóa thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XX.

- Quyết định số 3558/QĐ-UBND ngày 14/11/2025 của UBND tỉnh Thanh Hóa ban hành Phương án sắp xếp đơn vị sự nghiệp công lập, doanh nghiệp nhà nước thuộc tỉnh quản lý.

PHẦN II

THỰC TRẠNG GIÁO DỤC MẦM NON, PHỔ THÔNG CÔNG LẬP TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH THANH HÓA

I. QUY MÔ MẠNG LƯỚI TRƯỜNG, LỚP, HỌC SINH (TÍNH ĐẾN THÁNG 12 NĂM 2025)

1. Quy mô mạng lưới trường học

Cấp học	Số trường hiện có	Số trường đạt chuẩn QG	Tỷ lệ (%)	Số điểm trường lẻ
Mầm non	631	568	90,0	322
Tiểu học	584	538	92,1	255
THCS	604	525	86,9	37
THPT	89	65	73,0	0
Tổng cộng	1.908	1.696	88,9	614

Trên địa bàn tỉnh còn 1.908 trường mầm non và phổ thông công lập với 614 điểm trường lẻ, trong đó: mầm non có 631 trường và 322 điểm trường lẻ; Tiểu học có 584 trường và 255 điểm trường lẻ; THCS có 604 trường² và 37 điểm trường lẻ; THPT có 89 trường (trong đó có 02 trường THPT Dân tộc nội trú), 0 điểm trường lẻ.

Tuy nhiên, toàn tỉnh vẫn còn 149 trường mầm non và phổ thông công lập có quy mô (số lớp) thấp hơn mức tối thiểu theo quy định, trong đó: mầm non 101 trường; tiểu học 12 trường; trung học cơ sở 34 trường; trung học phổ thông 02 trường.

2. Quy mô số lớp, số học sinh

Cấp học	Số lớp	Số học sinh	Bình quân HS/lớp	Ghi chú
Mầm non	7.068	172.686	24,4	
Tiểu học	10.868	346.666	31,9	
THCS	6.969	275.037	39,5	
THPT	2.504	107.393	42,9	
Toàn tỉnh	27.409	901.782	32,9	

Quy mô lớp học và học sinh của tỉnh hiện nay rất lớn, trong đó số lớp và số học sinh tập trung chủ yếu ở cấp tiểu học và trung học cơ sở, dẫn đến áp lực ngày càng gia tăng đối với đội ngũ giáo viên, cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học và công tác quản lý nhà trường. Bình quân học sinh/lớp ở một số cấp học và

² Bao gồm 11 trường THCS Dân tộc nội trú và 10 trường Phổ thông Dân tộc bán trú THCS

địa bàn còn cao so với yêu cầu đổi mới giáo dục, ảnh hưởng đến chất lượng dạy học và việc tổ chức các hoạt động giáo dục toàn diện.

Bên cạnh đó, tại các xã miền núi, vùng sâu, vùng xa và khu vực đặc biệt khó khăn, quy mô lớp học và học sinh giảm, nhiều trường có số lớp thấp hơn mức tối thiểu theo quy định, dẫn đến tình trạng mạng lưới trường, lớp phân tán, dàn trải; hiệu quả sử dụng cơ sở vật chất, đội ngũ giáo viên và nguồn lực đầu tư chưa cao, gây khó khăn cho công tác bố trí giáo viên theo định mức và nâng cao chất lượng giáo dục.

II. THỰC TRẠNG CƠ SỞ VẬT CHẤT, ĐỘI NGŨ GIÁO VIÊN CÁC TRƯỜNG MẦM NON VÀ PHỔ THÔNG CÔNG LẬP (TÍNH ĐẾN THÁNG 12 NĂM 2025)

1. Thực trạng cơ sở vật chất các trường mầm non và trường phổ thông công lập

TT	Bậc học, cấp học	Số lớp	Phòng học	Trong đó		Tỷ lệ phòng học kiên cố (%)	Ghi chú
				Kiên cố	Bán kiên cố, tạm		
1	Mầm non	7.068	8.359	7.287	1.072	87.2	
2	Tiểu học	10.868	12.552	11.571	981	92.2	
3	THCS	6.969	10.420	9.877	981	94.8	
4	THPT	2.504	3.175	3.074	101	96.8	
	Tổng	27.409	34.506	31.809	3.135	92.2	

Như vậy, số phòng hiện có, tổng số phòng học, phòng bộ môn còn thiếu so với nhu cầu thực tế là 5.375 phòng, trong đó: giáo dục mầm non thiếu 1.160 phòng; giáo dục tiểu học thiếu 1.705 phòng; giáo dục trung học cơ sở thiếu 1.964 phòng; giáo dục trung học phổ thông thiếu 546 phòng.

Như vậy, cơ sở vật chất trường học trên địa bàn tỉnh từng bước được quan tâm đầu tư, tỷ lệ phòng học kiên cố chiếm tỷ trọng cao, góp phần nâng cao điều kiện dạy và học. Tuy nhiên, số lượng phòng học, phòng bộ môn còn thiếu so với nhu cầu thực tế, đặc biệt tại các cấp tiểu học và trung học cơ sở, cho thấy áp lực lớn trong việc tổ chức dạy học theo yêu cầu đổi mới chương trình giáo dục phổ thông. Việc thiếu phòng học, phòng bộ môn cũng là một trong những nguyên nhân làm hạn chế khả năng tổ chức dạy học 2 buổi/ngày, dạy học theo định hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh, đồng thời ảnh hưởng đến việc sắp xếp mạng lưới trường, lớp theo hướng tập trung, hiệu quả.

2. Thực trạng đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên các trường mầm non, phổ thông công lập.

Tổng số cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên hiện có tại các cơ sở giáo dục mầm non và phổ thông công lập trên địa bàn tỉnh là 54.003 người, trong đó

mầm non có 17.177 người, tiểu học có 17.390 người, trung học cơ sở có 13.875 người, trung học phổ thông có 5.561 người.

So với số biên chế và lao động hợp đồng được UBND tỉnh giao, biên chế và lao động hợp đồng hiện có tại các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông công lập còn thiếu 2.854 chỉ tiêu, trong đó MN thiếu 589 chỉ tiêu, TH thiếu 1.031 chỉ tiêu, THCS thiếu 984 chỉ tiêu và THPT thiếu 250 chỉ tiêu.

So với định mức tối đa theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, số người làm việc hiện có tại các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông công lập còn thiếu 17.814 người (nhà giáo thiếu 9.917 người). Cụ thể: Mầm non thiếu 3.511 người (nhà giáo thiếu 2.197 người); Tiểu học thiếu 5.758 người (nhà giáo thiếu 3.140 người); THCS thiếu 7.199 người (nhà giáo thiếu 3.856 người); THPT thiếu 1.346 người (nhà giáo thiếu 724 người).

Tỷ lệ nhà giáo (gồm CBQL và giáo viên) giáo dục mầm non, phổ thông có trình độ đạt chuẩn là 98,27%, trong đó tỷ lệ nhà giáo có trình độ đạt chuẩn đối với cấp MN là 99,19%, cấp TH là 97,41%, cấp THCS là 97,45% và cấp THPT là 100%.

III. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN QUYẾT ĐỊNH SỐ 2820/QĐ-UBND NGÀY 27/7/2021 CỦA UBND TỈNH

1. Kết quả đạt được

Theo lộ trình của Quyết định số 2820/QĐ-UBND ngày 27/7/2021 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Đề án sắp xếp các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở và trường phổ thông có nhiều cấp học trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa, giai đoạn 2021-2025, toàn tỉnh sẽ thực hiện sáp nhập, ghép các trường học để giảm 55 trường so với năm 2020, cụ thể như sau:

	Số lượng các trường mầm non, phổ thông sắp xếp theo năm					
Năm	Năm	Năm	Năm	Năm	Năm	Năm
Loại trường	2020	2021	2022	2023	2024	2025
Mầm non	646	640	636	635	631	631
Tiểu học	604	597	592	585	582	584
THCS	624	617	612	610	606	604
Tổng cộng	1874	1854	1840	1830	1819	1819

Các trường sau khi sắp xếp đã hoạt động ổn định, các hoạt động chuyên môn, hoạt động ngoài giờ chính khóa được đẩy mạnh, công tác quản lý theo dõi thực hiện các mục tiêu phổ cập giáo dục thuận lợi; Đội ngũ cán bộ giáo viên được bố trí đầy đủ, cơ cấu hợp lý; Cơ sở vật chất được khai thác sử dụng hiệu quả và từng bước tăng cường; Khắc phục được tình trạng trường lớp có quy mô

nhỏ và chất lượng giáo dục chưa cao, từ đó có điều kiện tập trung đầu tư nguồn lực kể cả về đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên và cơ sở vật chất, thiết bị dạy học đáp ứng yêu cầu phát triển giáo dục.

Hệ thống mạng lưới trường, lớp tiếp tục được rà soát, sắp xếp và hoàn thiện ở các cấp học, bậc học theo hướng hợp lý và hiệu quả hơn.

2. Một số tồn tại, hạn chế và nguyên nhân

2.1. Tồn tại, hạn chế

Đến tháng 12 năm 2025, tổng số trường mầm non và phổ thông công lập (từ mầm non đến THCS) trên địa bàn tỉnh là 1.819 trường, chưa đạt mục tiêu theo Kế hoạch ban hành kèm theo Quyết định số 2820/QĐ-UBND (giảm còn 1.803 trường).

Việc sắp xếp các trường liên cấp (tiểu học và trung học cơ sở) còn gặp khó khăn, đặc biệt trong bố trí thời gian học, xây dựng thời khóa biểu khi tổ chức dạy học tại cùng một địa điểm. Tại khu vực miền núi, việc dồn ghép các cấp học làm tăng khoảng cách đi học của học sinh, có nguy cơ vượt bán kính phục vụ theo quy định, ảnh hưởng đến tỷ lệ chuyên cần, nhất là trong điều kiện thời tiết bất lợi.

Ở một số địa bàn miền núi, vùng sâu, vùng xa, việc sáp nhập trường, điểm trường còn hạn chế do địa bàn rộng, dân cư phân tán, giao thông đi lại khó khăn; điều kiện kinh tế của nhiều gia đình còn khó khăn, phụ huynh đi làm xa, không có điều kiện đưa đón học sinh hằng ngày.

2.2. Nguyên nhân

Công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức và tạo sự đồng thuận về chủ trương sắp xếp, sáp nhập trường, lớp ở một số địa phương chưa thực sự hiệu quả; công tác lãnh đạo, chỉ đạo và phối hợp giữa cấp ủy, chính quyền và các tổ chức liên quan có nơi chưa chặt chẽ, thiếu đồng bộ.

Đối với các trường liên cấp (tiểu học và trung học cơ sở), do đặc thù hai cấp học có chương trình, thời lượng và tổ chức dạy học khác nhau, việc bố trí thời gian học chung tại một địa điểm còn bất cập; sự phối hợp, hỗ trợ chuyên môn giữa giáo viên các cấp học chưa thực sự hiệu quả, dẫn đến một số địa phương còn cân nhắc trong quá trình thực hiện sắp xếp.

Đối với khu vực miền núi, việc triển khai sáp nhập trường, điểm trường gặp nhiều khó khăn do đặc điểm địa hình phức tạp, khoảng cách xa, hạ tầng giao thông hạn chế; điều kiện kinh tế - xã hội còn khó khăn, ảnh hưởng trực tiếp đến khả năng tổ chức đưa đón và duy trì việc học tập thường xuyên của học sinh.

IV. ĐÁNH GIÁ CHUNG VÀ BÀI HỌC KINH NGHIỆM

1. Đánh giá chung

Giai đoạn 2021–2025, quy mô học sinh và số lớp học trên địa bàn tỉnh có xu hướng tăng, mạng lưới các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông công lập cơ bản đã đáp ứng nhu cầu học tập của con em nhân dân, góp phần thực hiện hiệu quả các mục tiêu phổ cập giáo dục và nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện. Công tác đầu tư cơ sở vật chất, xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia, bố trí đội ngũ giáo viên từng bước được quan tâm, đạt được nhiều kết quả tích cực.

Tuy nhiên, qua rà soát cho thấy mạng lưới trường mầm non, phổ thông công lập vẫn còn bộc lộ những hạn chế, như: Số lượng điểm trường lẻ còn nhiều, đặc biệt tại khu vực miền núi, vùng sâu, vùng xa và địa bàn có điều kiện kinh tế – xã hội đặc biệt khó khăn; số trường có quy mô nhỏ hơn mức tối thiểu theo quy định vẫn còn ở tất cả các cấp học, gây phân tán nguồn lực, làm giảm hiệu quả đầu tư và công tác quản lý, điều hành.

Mặc dù tỷ lệ phòng học kiên cố tăng qua các năm, nhưng số lượng phòng học, phòng bộ môn vẫn còn thiếu so với nhu cầu thực tế, trong khi phòng học bán kiên cố vẫn còn tồn tại ở một số địa bàn. Hệ thống phòng học bộ môn, phòng chức năng và các phòng phục vụ học tập chưa đáp ứng yêu cầu theo quy định; tại nhiều cơ sở giáo dục, việc phải sử dụng phòng học thông thường làm phòng bộ môn (hoặc ngược lại) vẫn còn, dẫn đến chưa bảo đảm đầy đủ tiêu chuẩn về số lượng, diện tích và điều kiện sử dụng, ảnh hưởng đến việc tổ chức dạy học theo chương trình giáo dục phổ thông mới.

Việc bố trí, sắp xếp và sử dụng đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên về cơ bản đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ của các nhà trường. Tuy nhiên, tại nhiều xã, phường, nhất là ở cấp tiểu học và trung học cơ sở, vẫn còn tình trạng thừa – thiếu giáo viên cục bộ, cơ cấu giáo viên chưa hợp lý; hiện tượng thừa giáo viên dạy các môn văn hóa, thiếu giáo viên các môn đặc thù (Tin học, Ngoại ngữ, Âm nhạc, Mỹ thuật...) vẫn diễn ra, gây khó khăn cho công tác tổ chức dạy học và bố trí đội ngũ theo định mức.

Sau khi thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính và tổ chức chính quyền địa phương hai cấp, hoạt động giáo dục của các nhà trường cơ bản được duy trì ổn định, không gây xáo trộn lớn và không ảnh hưởng đến chất lượng giáo dục. Nhiều cơ sở giáo dục sau sáp nhập đã phát huy tốt hơn hiệu quả quản lý, tổ chức dạy học, từng bước nâng cao chất lượng giáo dục và được ngành giáo dục, các cấp chính quyền đánh giá tích cực.

Từ thực tiễn trên cho thấy, việc tiếp tục rà soát, sắp xếp mạng lưới các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông công lập theo hướng tinh gọn, hợp lý, hiệu quả và bền vững là yêu cầu tất yếu, nhằm khắc phục những tồn tại, hạn chế hiện nay, đồng thời đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo trong giai đoạn tới.

2. Bài học kinh nghiệm

Thứ nhất, tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy Đảng, chính quyền các cấp; nâng cao nhận thức của toàn hệ thống chính trị về công tác quy hoạch, sắp xếp mạng lưới cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông trên địa bàn tỉnh.

Thứ hai, việc dồn ghép điểm trường, sắp xếp quy mô, hệ thống trường, lớp cần được thực hiện thận trọng, phù hợp với điều kiện thực tiễn của từng địa phương, bảo đảm hiệu quả và ổn định lâu dài.

Thứ ba, chủ động rà soát nhu cầu, kịp thời đề xuất đầu tư cơ sở vật chất theo lộ trình sắp xếp mạng lưới trường, lớp; ưu tiên các trường trong kế hoạch đạt chuẩn quốc gia và các trường phổ thông dân tộc bán trú, bảo đảm các điều kiện thiết yếu về ăn, ở, sinh hoạt cho học sinh.

Thứ tư, rà soát, cân đối biên chế theo cơ cấu từng đơn vị; thực hiện điều chuyển giáo viên từ nơi thừa sang nơi thiếu; xây dựng kế hoạch tuyển dụng bổ sung và chú trọng bồi dưỡng, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên.

Thứ năm, tăng cường phối hợp với các sở, ban, ngành, đoàn thể và các tổ chức xã hội trong công tác khuyến học, khuyến tài, xây dựng xã hội học tập; đẩy mạnh xã hội hóa để bổ sung trang thiết bị, cải tạo, nâng cấp cơ sở vật chất, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện.

PHẦN III

MỤC TIÊU, ĐỐI TƯỢNG, NGUYÊN TẮC, PHƯƠNG ÁN, LỘ TRÌNH, NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

I. MỤC TIÊU

- Đẩy mạnh sắp xếp mạng lưới cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông và giáo dục thường xuyên, giáo dục nghề nghiệp công lập phù hợp với mô hình chính quyền địa phương hai cấp; chuyển từ trọng tâm giảm đầu mỗi cơ học sang tái cấu trúc mạng lưới cơ sở giáo dục theo quy mô dân số, phân bố dân cư, tạo điều kiện thuận lợi cho người học và nâng cao chất lượng giáo dục của địa phương.

- Rà soát, sắp xếp mạng lưới cơ sở giáo dục công lập theo hướng tinh gọn, hợp lý, giảm đầu mối, nâng cao hiệu quả hoạt động; thực hiện giảm **tối thiểu 30%** đầu mỗi cơ sở giáo dục công lập hiện có trên địa bàn quản lý.

- Đổi mới quản trị nhà trường, mở rộng quy mô trường, lớp để sử dụng hiệu quả cơ sở vật chất, đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và các nguồn lực đầu tư; gắn sắp xếp cơ sở giáo dục với tinh gọn đầu mối quản lý, cơ cấu lại đội ngũ, “giảm biên chế quản lý giáo dục, tăng biên chế trực tiếp giảng dạy”.

- Mở rộng cơ hội học tập, đáp ứng nhu cầu học tập của nhân dân, bảo đảm mục tiêu đến năm 2030 đạt phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 3, 4 tuổi; có ít nhất 85% người trong độ tuổi hoàn thành trung học phổ thông hoặc tương đương theo Nghị quyết số 71-NQ/TW ngày 22/8/2025 của Bộ Chính trị.

II. ĐỐI TƯỢNG, NGUYÊN TẮC

1. Đối tượng

Đối tượng thực hiện rà soát, sắp xếp là các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông công lập trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa có đủ điều kiện xem xét sắp xếp theo định hướng của Thủ tướng Chính phủ và Bộ Giáo dục và Đào tạo.

2. Nguyên tắc sắp xếp

Việc sắp xếp các cơ sở giáo dục mầm non và phổ thông công lập trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa được thực hiện theo các nguyên tắc sau:

- Việc sắp xếp cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông, giáo dục thường xuyên, giáo dục nghề nghiệp công lập phải phù hợp với mô hình chính quyền địa phương 2 cấp, quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội, quy mô dân số và không gian phát triển; lấy mục tiêu nâng cao chất lượng giáo dục, hiệu quả đầu tư và năng lực quản trị làm định hướng xuyên suốt, bền vững; không thực hiện sắp xếp một cách cơ học chỉ nhằm giảm đầu mối; tuyệt đối không để học sinh có hoàn cảnh khó khăn mà không được đến trường.

- Tuân thủ các nguyên tắc chuyên môn và khoa học giáo dục; phù hợp với đặc điểm tâm sinh lý lứa tuổi, cấp học và loại hình cơ sở giáo dục và đào tạo.

- Lấy người học làm trung tâm. Bảo đảm quyền học tập và cơ hội tiếp cận giáo dục; tạo điều kiện thuận lợi cho học sinh đến trường, không làm phát sinh rào cản địa lý và chi phí; tuyệt đối không làm ảnh hưởng đến công tác huy động học sinh ra lớp để duy trì và nâng cao kết quả phổ cập giáo dục.

- Gắn sắp xếp mạng lưới với đổi mới quản trị nhà trường và tinh gọn đầu mối quản lý; sử dụng hiệu quả đội ngũ nhà giáo, cơ sở vật chất và nguồn lực đầu tư; đẩy mạnh chuyển đổi số, tăng cường phân cấp, phân quyền gắn với trách nhiệm giải trình của địa phương và cơ sở giáo dục.

- Hạn chế tối đa tác động tiêu cực đến hoạt động dạy học, tâm lý của học sinh, nhà giáo và cha mẹ học sinh. Tổ chức thực hiện linh hoạt, khoa học, phù hợp với thực tiễn vùng miền, đặc biệt là miền núi, biên giới, hải đảo và vùng đồng bào dân tộc thiểu số, bảo đảm thuận lợi cho người dạy, người học, người quản lý.

- Theo dõi, đánh giá thường xuyên tình hình thực hiện dự trên dữ liệu và tác động thực tiễn; kịp thời phát hiện vướng mắc để điều chỉnh phương án, hoàn thiện cơ chế, chính sách và nhân rộng các mô hình phù hợp.

- Việc sắp xếp cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông, giáo dục thường xuyên, giáo dục nghề nghiệp công lập phải gắn với bảo đảm các điều kiện chuẩn bị thật tốt cho khai giảng năm học mới 2026-2027, đúng tinh thần chỉ đạo của đồng chí Tổng Bí thư, Chủ tịch nước.

III. PHƯƠNG ÁN SẮP XẾP

1. Đối với trường mầm non, trường tiểu học, trường trung học cơ sở thuộc UBND xã, phường quản lý

1.1. Mô hình trường học khi sắp xếp

Căn cứ điều kiện thực tế về quy mô học sinh, địa bàn, khoảng cách, giao thông và yêu cầu phát triển giáo dục của từng địa phương để lựa chọn mô hình trường học phù hợp, gồm:

a) Mô hình trường một cấp học đa cơ sở

Là mô hình sáp nhập từ 02 trường trở lên cùng cấp học thành 01 trường, trong đó duy trì 01 trường chính và các điểm trường (phân hiệu) trên cơ sở các cơ sở giáo dục hiện có nhằm tinh gọn đầu mối quản lý, sử dụng hiệu quả đội ngũ và cơ sở vật chất.

b) Mô hình trường nhiều cấp học (tiểu học và trung học cơ sở)

Đối với các trường tiểu học và trung học cơ sở trên cùng địa bàn xã, phường có quy mô nhỏ, vị trí gần nhau, khuyến khích sắp xếp theo mô hình trường nhiều cấp học, gồm 01 trường chính và các điểm trường (phân hiệu), nhằm tập trung nguồn lực đầu tư, nâng cao hiệu quả quản lý và chất lượng giáo dục.

1.2. Tiêu chí sắp xếp

1.2.1. Tiêu chí chung

- Không sáp nhập trường mầm non với trường phổ thông; không sáp nhập trường phổ thông với trung tâm giáo dục thường xuyên, giáo dục nghề nghiệp- giáo dục thường xuyên; không sắp xếp cơ sở giáo dục chuyên biệt với các trường phổ thông đại trà (trừ trường hợp theo Thông báo kết luận số 81-TB/TW ngày 18/7/2025 của Bộ Chính trị về chủ trương đầu tư xây dựng trường học cho các xã biên giới).

- Mỗi xã, phường sau sắp xếp bảo đảm phải có ít nhất 01 (một) trường mầm non, 01 (một) trường phổ thông để bảo đảm quyền học tập của học sinh trên địa bàn.

1.2.2. Tiêu chí cụ thể theo cấp học

a) Đối với cơ sở giáo dục mầm non

Quy mô cơ sở giáo dục sau sắp xếp thành trường có tối thiểu 20 nhóm, lớp (các xã miền núi có tối thiểu 15 nhóm, lớp); tối đa 100 nhóm, lớp (hoặc tối đa 2.500 trẻ).

b) Đối với cơ sở giáo dục phổ thông

- Đối với cơ sở giáo dục tiểu học: Quy mô cơ sở giáo dục sau sắp xếp thành trường có tối thiểu 25 lớp (các xã miền núi có tối thiểu 20 lớp); tối đa 100 lớp (hoặc tối đa 3.500 học sinh).

- Đối với cơ sở giáo dục trung học cơ sở (hoặc trường phổ thông có cấp học cao nhất là THCS): Quy mô cơ sở giáo dục sau sắp xếp thành trường có tối thiểu 30 lớp (các xã miền núi có tối thiểu 25 lớp); tối đa 100 lớp (hoặc tối đa 4.500 học sinh).

- Mỗi xã, phường có tối đa 01 trường THPT. Riêng khu vực đô thị có mật độ dân số cao, nếu tổng quy mô học sinh của các trường THPT trên địa bàn lớn hơn 120 lớp (hoặc trên 5.400 học sinh) thì xem xét có tối đa 02 trường THPT/xã, phường.

IV. LỘ TRÌNH THỰC HIỆN

- Các sở, ngành hoàn thành văn bản hướng dẫn theo nhiệm vụ được giao gửi các địa phương, đơn vị thực hiện chậm nhất là **ngày 25/7/2026**. Tiếp tục kiểm tra, hướng dẫn các địa phương, đơn vị trong quá trình thực hiện việc sắp xếp theo Đề án này.

- Sở Giáo dục và Đào tạo, UBND các xã, phường căn cứ Đề án của UBND tỉnh, chỉ đạo các cơ quan chuyên môn xây dựng Đề án sắp xếp đối với các đơn vị trực thuộc; báo cáo cấp ủy cùng cấp, thông qua. Thời gian hoàn thành **trước ngày 30/7/2026**.

- Sở Giáo dục và Đào tạo, UBND các xã, phường quyết định thành lập các đơn vị trên cơ sở đề án sắp xếp đã được thông qua; quyết định bổ nhiệm viên chức giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý. Thời gian hoàn thành **trước ngày 15/8/2026**.

- Thực hiện bàn giao về nhân sự, tài liệu, hồ sơ, tài chính và các nội dung khác theo quy định của pháp luật giữa đơn vị được sắp xếp và đơn vị được tổ chức sau sắp xếp. Thời gian hoàn thành **trước ngày 15/8/2026**.

V. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

1. **Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức, tạo sự đồng thuận xã hội**

Tăng cường công tác giáo dục chính trị, tư tưởng; tổ chức quán triệt, triển khai nghiêm túc, hiệu quả các nghị quyết, chủ trương của Đảng và Nhà nước về giáo dục và đào tạo, nhất là Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIV, Nghị quyết số 19-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII, Nghị quyết, số 29-NQ/TW ngày 04/11/2013 về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo Nghị quyết số 71-NQ/TW ngày 22/8/2025 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XX và các chương trình phát triển kinh tế – xã hội của tỉnh.

Đẩy mạnh công tác tuyên truyền trong cán bộ, đảng viên, nhân dân và đội ngũ nhà giáo về ý nghĩa, mục tiêu, sự cần thiết của việc sắp xếp mạng lưới các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông, nhằm tập trung nguồn lực, nâng cao chất lượng giáo dục, khắc phục tình trạng dàn trải, manh mún; tạo sự thống nhất về nhận thức và đồng thuận trong quá trình tổ chức thực hiện.

Các cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương chủ động tuyên truyền, vận động nhân dân, đặc biệt là phụ huynh học sinh, hiểu rõ lợi ích lâu dài của việc sắp xếp trường lớp; bảo đảm học sinh được học tập trong môi trường có đội ngũ giáo viên, cơ sở vật chất và điều kiện học tập tốt hơn, góp phần phát triển toàn diện năng lực, phẩm chất người học.

2. **Sắp xếp, bố trí hợp lý đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên**

Rà soát, đánh giá đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên làm căn cứ xây dựng phương án sắp xếp, bố trí phù hợp với mô hình tổ chức trường học sau

sáp nhập; bảo đảm phát huy năng lực, sở trường và hiệu quả công tác của từng cá nhân.

UBND các xã, phường phối hợp với cơ quan quản lý giáo dục xây dựng tiêu chí lựa chọn, bổ nhiệm hiệu trưởng, phó hiệu trưởng các trường sau sắp xếp theo hướng công khai, minh bạch, khách quan, đáp ứng yêu cầu quản lý và chuyên môn. Đối với cán bộ quản lý không đáp ứng yêu cầu, thực hiện bố trí công tác khác phù hợp hoặc giải quyết chế độ, chính sách theo quy định.

Tổ chức điều động, luân chuyển, thuyên chuyển cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên giữa các trường, các địa phương trong tỉnh nhằm sử dụng hiệu quả đội ngũ hiện có; đồng thời xây dựng và thực hiện các cơ chế, chính sách phù hợp để điều tiết giáo viên dôi dư, khắc phục tình trạng thiếu giáo viên theo cơ cấu môn học; chủ động xây dựng kế hoạch tuyển dụng, bổ sung giáo viên còn thiếu theo quy định.

3. Sử dụng hiệu quả cơ sở vật chất, trang thiết bị đã được đầu tư sau sắp xếp

Sau khi sắp xếp tổ chức việc học tập của học sinh theo hướng linh hoạt, phù hợp với điều kiện thực tế; bảo đảm an toàn, thuận lợi cho người học. Trường hợp tổ chức dạy học tập trung tại một địa điểm phải bảo đảm đủ phòng học, phòng chức năng, trang thiết bị và khoảng cách đi lại hợp lý.

Đối với các trường sáp nhập hoặc tổ chức lại mà có một cấp học đã đạt chuẩn quốc gia, tiếp tục quan tâm đầu tư, cải tạo, bổ sung cơ sở vật chất, trang thiết bị để các cấp học còn lại đủ điều kiện được công nhận đạt chuẩn quốc gia theo quy định.

Đối với các trường liên xã, trường hợp tổ chức dạy học tập trung tại một địa điểm, chính quyền các địa phương liên quan có trách nhiệm phối hợp đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị, bảo đảm điều kiện hoạt động ổn định và lâu dài của nhà trường.

Riêng đối với các trường tiểu học, trung học cơ sở ở khu vực miền núi, vùng đặc biệt khó khăn, nơi không đủ điều kiện để sáp nhập hoặc tổ chức lại, nghiên cứu tổ chức mô hình trường bán trú hoặc các mô hình phù hợp khác, bảo đảm quyền học tập của học sinh và phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương.

4. Chỉ đạo, hướng dẫn chuyên môn nhằm nâng cao chất lượng giáo dục

Tiếp tục tăng cường vai trò quản lý nhà nước về giáo dục; nâng cao hiệu quả chỉ đạo, hướng dẫn chuyên môn đối với các cơ sở giáo dục, đặc biệt là các trường mới được sắp xếp, sáp nhập hoặc tổ chức lại, nhằm ổn định tổ chức, duy trì nền nếp và nâng cao chất lượng dạy học.

Xây dựng và thực hiện hiệu quả cơ chế phối hợp giữa nhà trường với chính quyền địa phương, gia đình và xã hội; phát huy vai trò của phụ huynh học sinh trong công tác giáo dục; đồng thời huy động, sử dụng hiệu quả các nguồn lực để

đầu tư, bổ sung cơ sở vật chất, trang thiết bị, quỹ đất phục vụ phát triển giáo dục.

Đối với các trường tiểu học, trung học cơ sở sau sáp nhập, trong trường hợp chưa đủ điều kiện tổ chức dạy học tập trung tại một địa điểm, tiếp tục duy trì dạy học tại các điểm trường hiện có trong thời gian chuyển tiếp. UBND các xã, phường phối hợp chỉ đạo việc bố trí, sắp xếp giáo viên bảo đảm đúng, đủ cơ cấu bộ môn, số lượng và định mức, từng bước khắc phục tình trạng thừa, thiếu giáo viên cục bộ.

PHẦN IV

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Giáo dục và Đào tạo

- Là cơ quan chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành liên quan và UBND các xã, phường tổ chức triển khai thực hiện hiệu quả Đề án sắp xếp các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông công lập trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.

- Phối hợp với cấp ủy Đảng, chính quyền các địa phương trong quá trình lựa chọn cơ sở giáo dục sắp xếp, tổ chức thực hiện Đề án sắp xếp của xã, phường; kịp thời nắm bắt tình hình, tổng hợp và tham mưu giải quyết những khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình sắp xếp các cơ sở giáo dục.

- Chủ trì, phối hợp với UBND các xã, phường hướng dẫn, kiểm tra, giám sát hoạt động chuyên môn của các nhà trường, nhất là các trường thuộc diện sáp nhập, ghép; bảo đảm ổn định tổ chức, duy trì nền nếp dạy học và từng bước nâng cao chất lượng giáo dục.

- Phối hợp với Sở Nội vụ, Sở Tài chính, UBND các xã, phường và các đơn vị liên quan lựa chọn, bố trí cán bộ quản lý các nhà trường sau sắp xếp theo nguyên tắc khách quan, công khai, minh bạch.

- Chủ trì xây dựng và tổ chức thực hiện các phương án bố trí, điều tiết đội ngũ giáo viên giữa các cơ sở giáo dục theo thẩm quyền và theo quy định của pháp luật; bảo đảm đủ giáo viên theo định mức, đúng cơ cấu bộ môn, khắc phục tình trạng thừa – thiếu giáo viên cục bộ.

- Tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh kết quả triển khai thực hiện Đề án trên địa bàn toàn tỉnh.

2. Sở Nội vụ

- Thẩm định, trình Chủ tịch UBND tỉnh ban hành Quyết định sắp xếp, tổ chức lại và quy định chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức của các đơn vị thuộc thẩm quyền bảo đảm theo quy định.

- Chủ trì, phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo, UBND phường, xã ban hành hướng dẫn quy trình sắp xếp đội ngũ cán bộ quản lý, khung năng lực đối

với Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng; cơ cấu nhân sự và phương án bố trí nhân sự khi thực hiện công tác sắp xếp các cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh.

- Tổng hợp, thẩm định và trình UBND tỉnh ban hành quyết định hướng chế độ chính sách về tinh giản biên chế theo quy định.

3. Sở Tài chính

- Chủ trì hướng dẫn các cơ quan, đơn vị xử lý tài chính, ngân sách, tài sản công trong quá trình sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy; phối hợp với Sở Xây dựng hướng dẫn việc bố trí trụ sở làm việc các cơ quan, đơn vị sau sắp xếp, bảo đảm không gây thất thoát, tiêu cực, lãng phí.

- Chủ trì hướng dẫn các đơn vị xử lý việc chuyển tiếp quản lý dự án đầu tư công trong quá trình sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy (nếu có).

4. Giao Sở Xây dựng

Chủ trì phối hợp với Sở Tài chính nghiên cứu, đề xuất bố trí sắp xếp lại trụ sở làm việc của các cơ quan, đơn vị sau sắp xếp bảo đảm liên thông, đồng bộ phù hợp, hoạt động hiệu quả.

5. Sở Nông nghiệp và Môi trường

Phối hợp với UBND các xã, phường rà soát quỹ đất dành cho giáo dục; tham mưu xây dựng, điều chỉnh kế hoạch sử dụng đất, bảo đảm quỹ đất phù hợp cho các cơ sở giáo dục sau sắp xếp. Hướng dẫn, hỗ trợ thực hiện việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với các cơ sở giáo dục theo quy định của pháp luật.

6. Giao Sở Y tế

- Phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn chuyên môn, bảo đảm việc sắp xếp tổ chức bộ máy không làm gián đoạn công tác chăm sóc sức khỏe ban đầu, phòng chống dịch bệnh và an toàn thực phẩm tại các trường học.

- Phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Nội vụ để tham mưu phương án bố trí nhân viên y tế trường học.

- Thẩm định các tiêu chuẩn về vệ sinh học đường, phòng y tế tại các cơ sở giáo dục sau khi được sắp xếp nhằm bảo đảm quyền lợi cho học sinh.

7. Giao Công an tỉnh

Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị thực hiện thu hồi con dấu cũ và khắc dấu mới để bảo đảm hoạt động của đơn vị mới được liên tục, không gián đoạn.

8. Sở Dân tộc và Tôn giáo

- Tổ chức tuyên truyền, phổ biến chủ trương của tỉnh về sắp xếp mạng lưới trường mầm non, phổ thông đến đồng bào dân tộc thiểu số, nhất là tại các khu vực miền núi, vùng đặc biệt khó khăn, biên giới.

- Tham gia giám sát việc thực hiện chế độ, chính sách đối với học sinh, cán bộ, giáo viên vùng đồng bào dân tộc thiểu số; phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Tài chính và các đơn vị liên quan tham mưu cấp có thẩm quyền ban hành hoặc điều chỉnh các chính sách đặc thù phù hợp khi thực hiện sắp xếp trường học tại khu vực miền núi.

9. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch

- Chỉ đạo, hướng dẫn các cơ quan thông tin, báo chí trên địa bàn tỉnh tăng cường công tác tuyên truyền về sự cần thiết, ý nghĩa và hiệu quả của việc sắp xếp, điều chỉnh mạng lưới trường mầm non, phổ thông.

- Tổ chức thông tin, tuyên truyền kịp thời, thường xuyên về tiến độ triển khai Đề án; nhân rộng các mô hình, cách làm hiệu quả để các địa phương khác học tập, áp dụng.

10. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức chính trị – xã hội

- Trên cơ sở Đề án được phê duyệt, phối hợp đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động đoàn viên, hội viên và các tầng lớp nhân dân đồng thuận, ủng hộ, tham gia tích cực vào việc thực hiện Đề án.

- Tham gia giám sát quá trình tổ chức thực hiện Đề án, kịp thời phản ánh tâm tư, nguyện vọng của nhân dân để các cấp có thẩm quyền xem xét, giải quyết.

11. Ủy ban nhân dân các xã, phường

- UBND cấp xã chịu trách nhiệm toàn diện trước Tỉnh ủy, UBND tỉnh về việc triển khai, tổ chức thực hiện sắp xếp các cơ sở giáo dục công lập thuộc thẩm quyền quản lý theo chỉ đạo của Trung ương và của tỉnh; bảo đảm thực hiện giảm tối thiểu 30% số cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn quản lý.

- Căn cứ nội dung Đề án này, tổ chức rà soát, xây dựng và hoàn thiện Đề án, phương án sắp xếp cụ thể các trường học thuộc phạm vi quản lý, kịp thời báo cáo, xin ý kiến UBND tỉnh (qua Sở Giáo dục và Đào tạo) đối với khó khăn vướng mắc trong quá trình rà soát, sắp xếp.

- Thời gian hoàn thành các nội dung công việc và báo cáo về Sở Giáo dục và Đào tạo để tổng hợp báo cáo UBND tỉnh:

- + Hoàn thành và gửi Đề án sắp xếp các cơ sở giáo dục công lập thuộc phạm vi quản lý về Sở Giáo dục và Đào tạo **trước ngày 30/7/2026**;

- + Ban hành quyết định sắp xếp lại các cơ sở giáo dục công lập thuộc thẩm quyền quản lý hoàn thành xong trước ngày **15/8/2026**;

- + Gửi báo cáo và các biểu mẫu tổng hợp kết quả sắp xếp các cơ sở giáo dục công lập thuộc phạm vi quản lý về Sở Giáo dục và Đào tạo **trước ngày 15/8/2026**.

- Rà soát, phê duyệt danh mục vị trí việc làm sau sắp xếp tổ chức bộ máy; xây dựng kế hoạch, lộ trình tinh giản biên chế hằng năm đối với các trường hợp dôi dư bảo đảm theo quy định tại Nghị định số 154/2025/NĐ-CP ngày 15/6/2025 của Chính phủ và các quy định hiện hành.

- Rà soát toàn bộ cơ sở vật chất hiện có của các trường, điểm trường khi thực hiện sáp nhập. Có phương án tập trung nguồn lực để xây dựng, thực hiện điều chỉnh công năng một số phòng làm việc dôi dư; cải tạo, sửa chữa, bổ sung các phòng học tại trường chính, điểm trường để giảm sĩ số học sinh/lớp, tạo điều kiện tốt nhất cho các hoạt động giáo dục tại trường chính và các điểm trường.

12. Các trường mầm non, phổ thông công lập

- Tổ chức tự rà soát, đánh giá thực trạng về quy mô trường, lớp, đội ngũ, cơ sở vật chất, chất lượng giáo dục; kịp thời cung cấp đầy đủ thông tin, số liệu theo yêu cầu của cơ quan quản lý.

- Tăng cường tuyên truyền, phổ biến chủ trương sắp xếp cơ sở giáo dục đến cán bộ, giáo viên, nhân viên, học sinh, cha mẹ học sinh và Nhân dân, tạo sự đồng thuận trong quá trình triển khai thực hiện.

- Chủ động xây dựng phương án tổ chức dạy học, bảo đảm duy trì ổn định hoạt động của nhà trường và không làm ảnh hưởng đến chất lượng giáo dục, quyền học tập của trẻ em, học sinh.

- Phối hợp thực hiện việc bàn giao hồ sơ, tài chính, tài sản, cơ sở vật chất, đội ngũ và các nội dung có liên quan khi sắp xếp cơ sở giáo dục theo đúng quy định của pháp luật.

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH